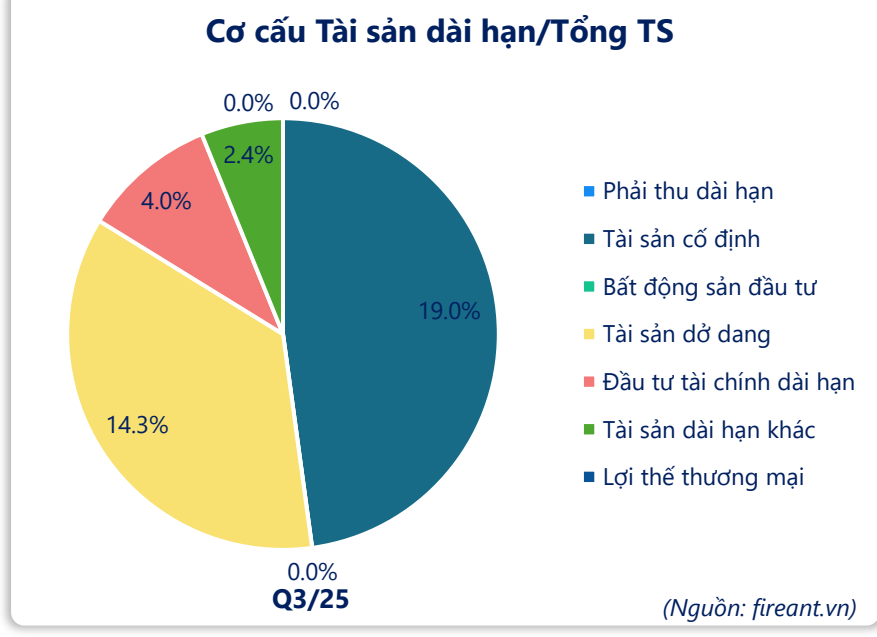
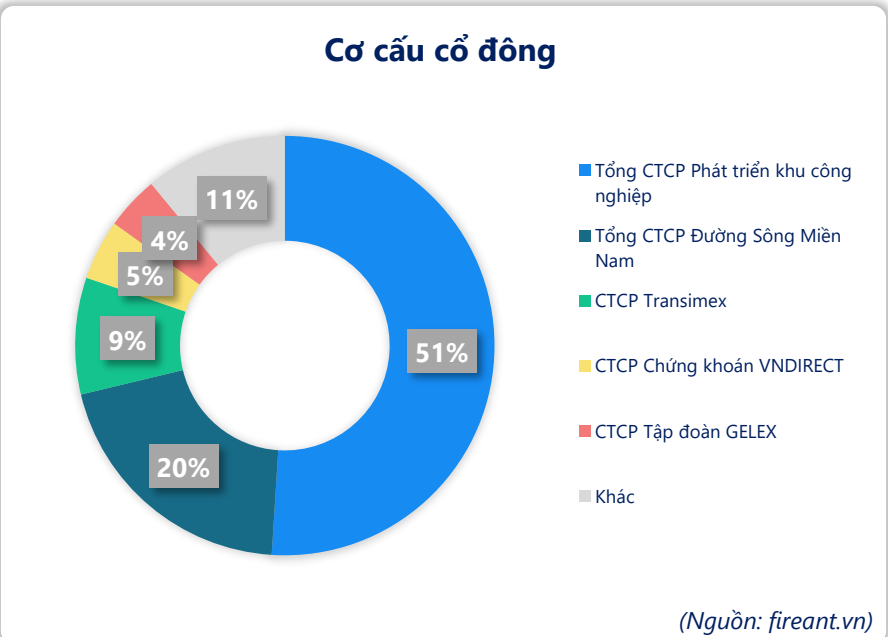
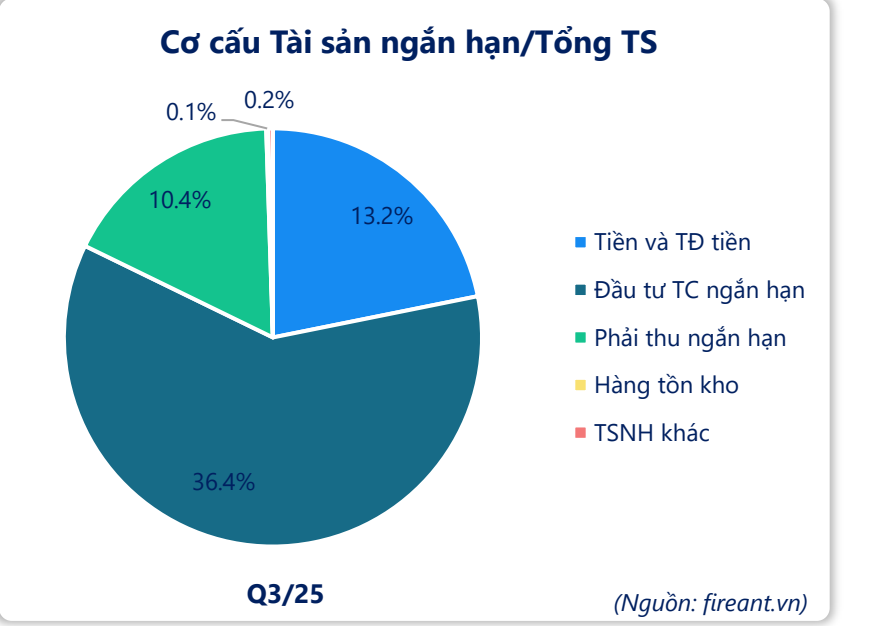
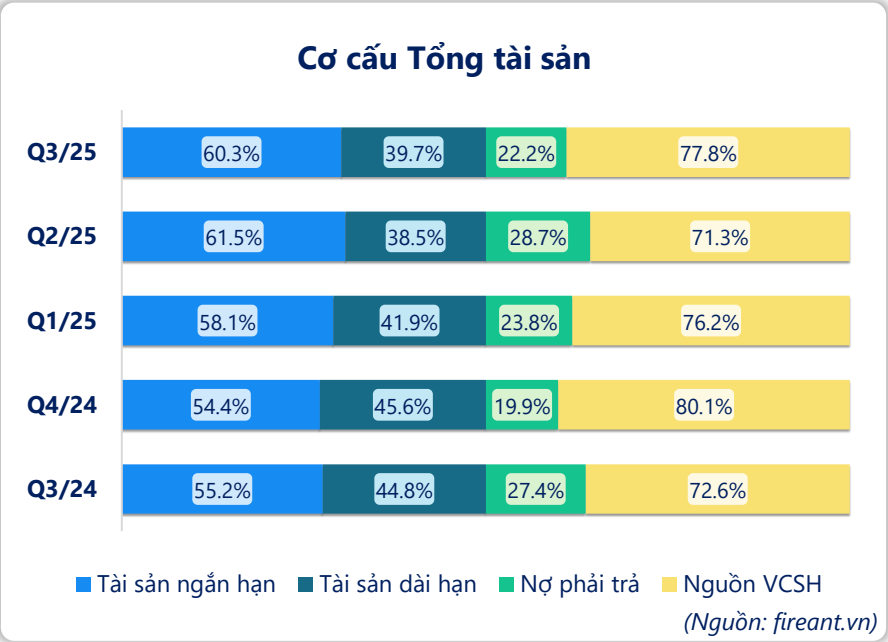
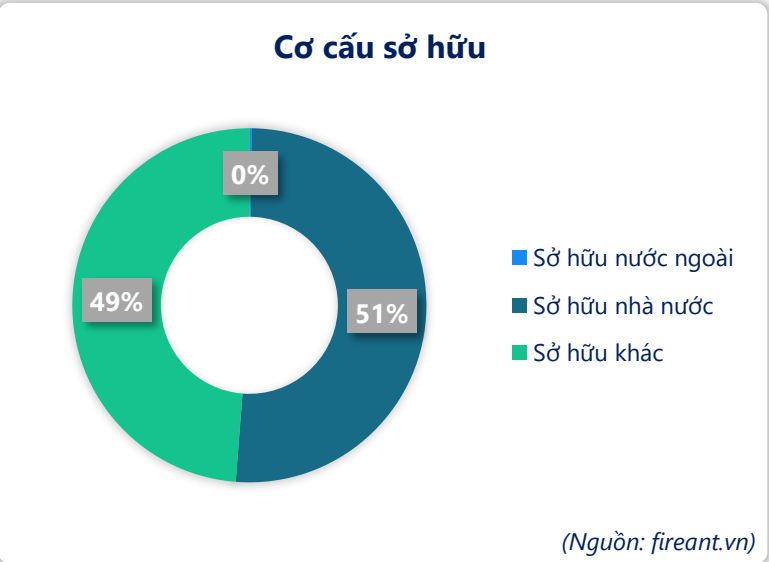
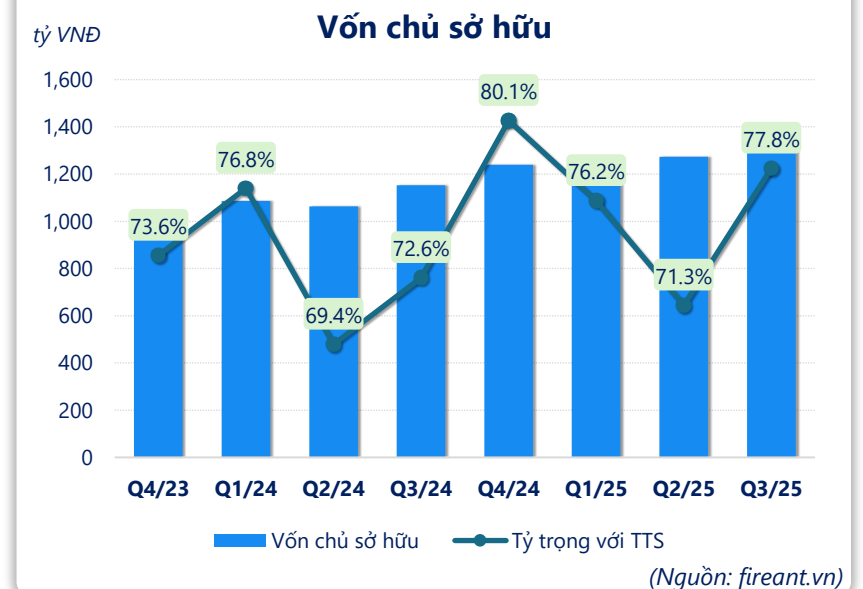
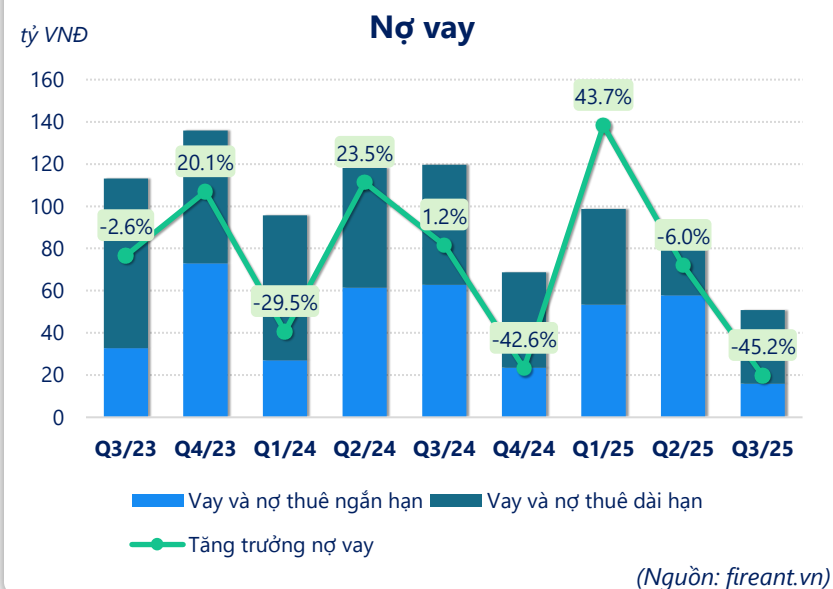
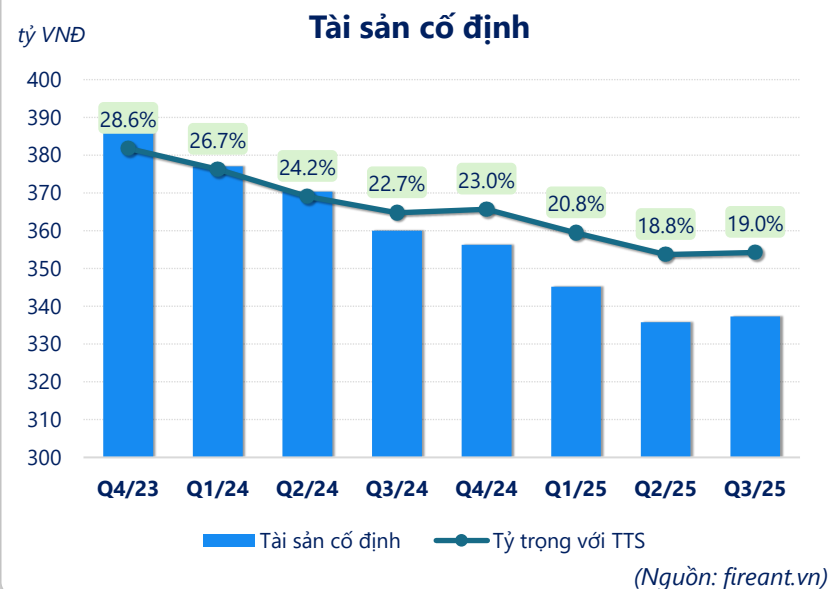
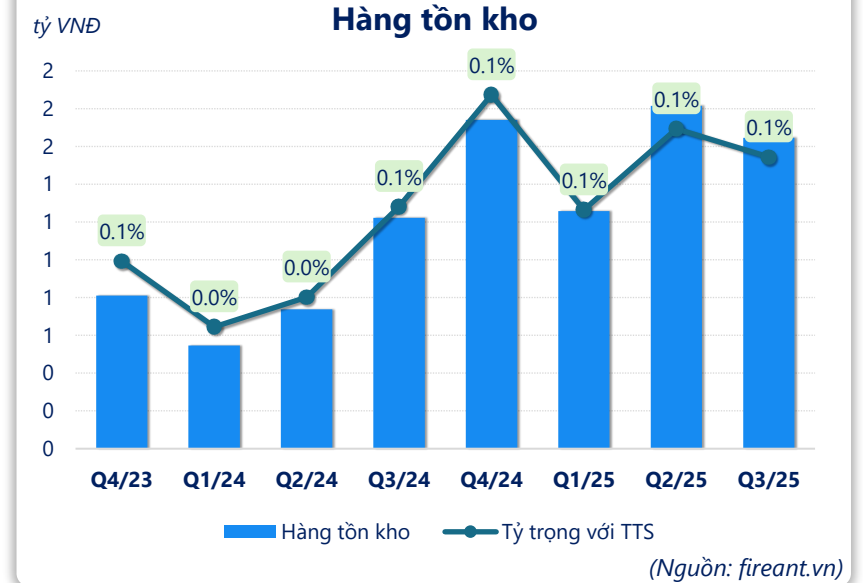
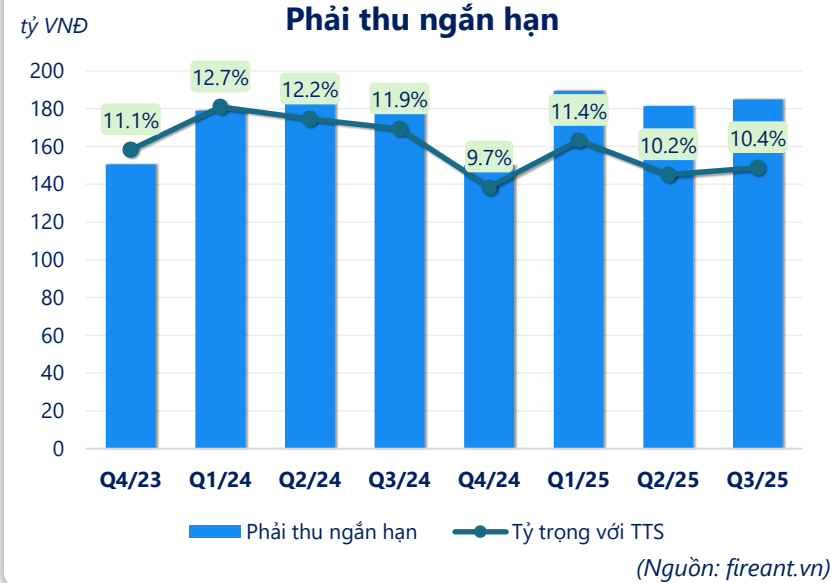
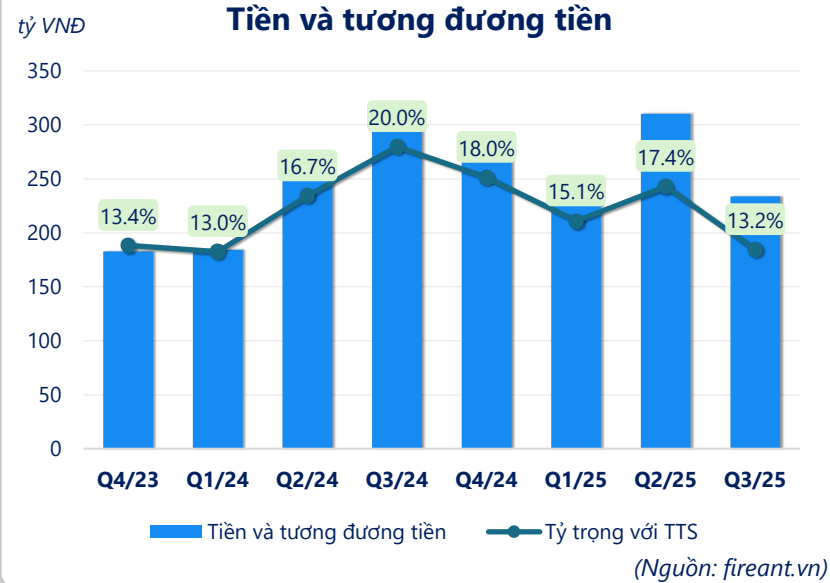
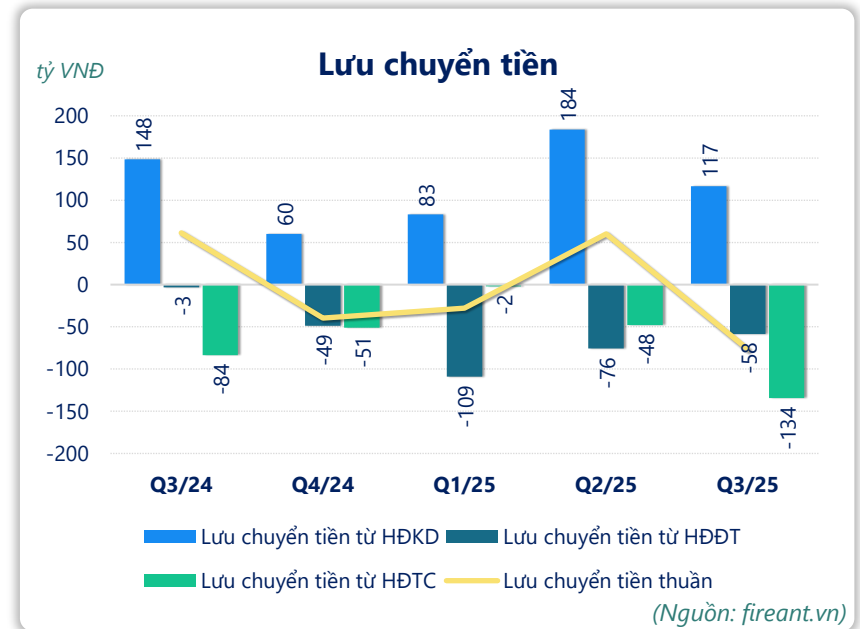
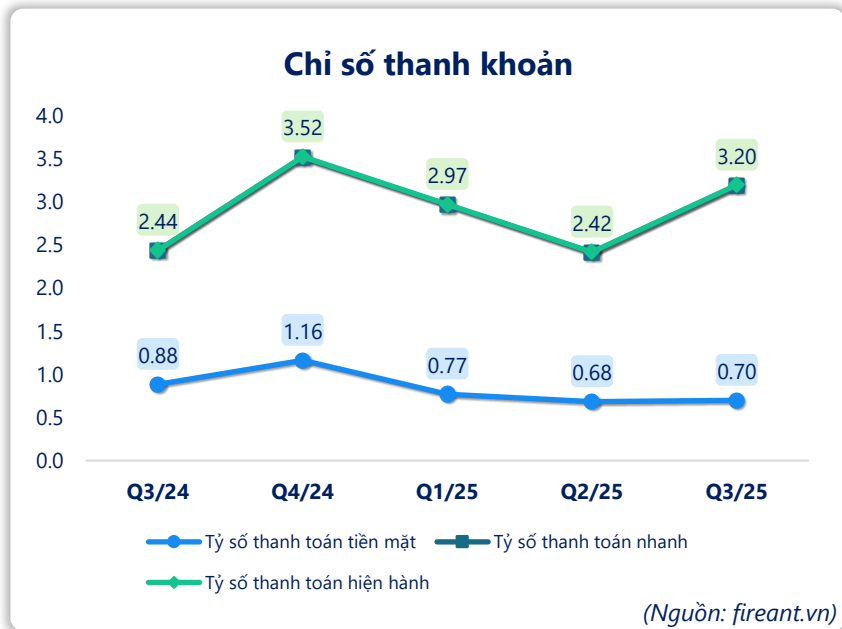
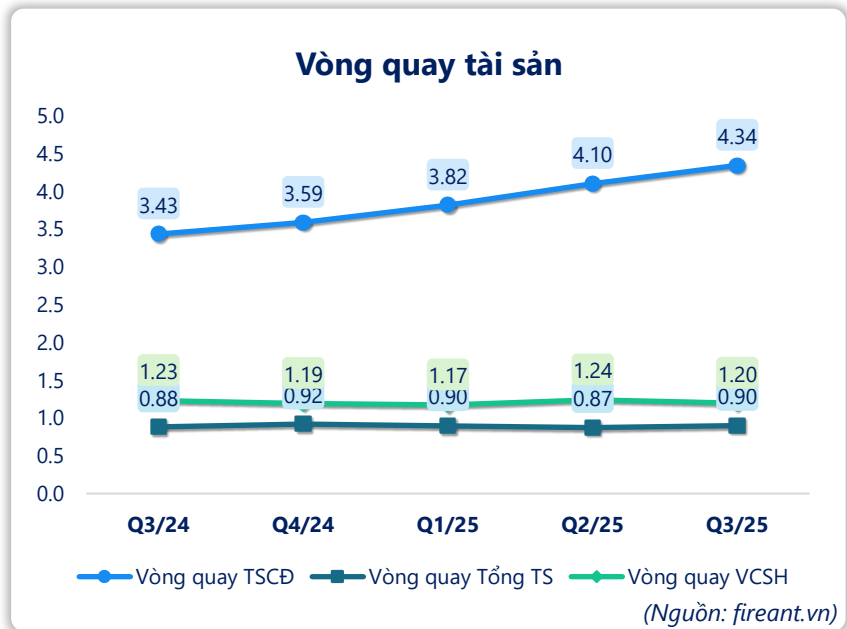
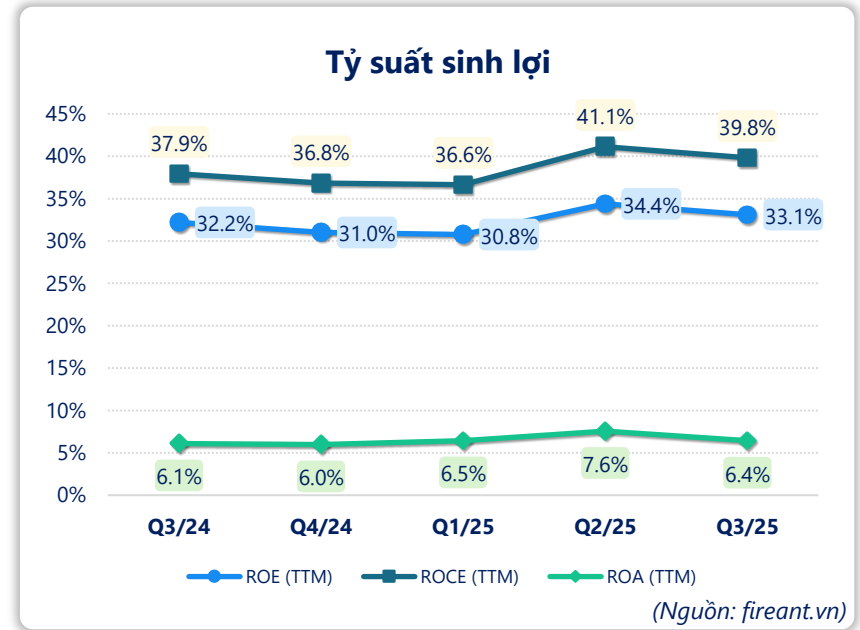
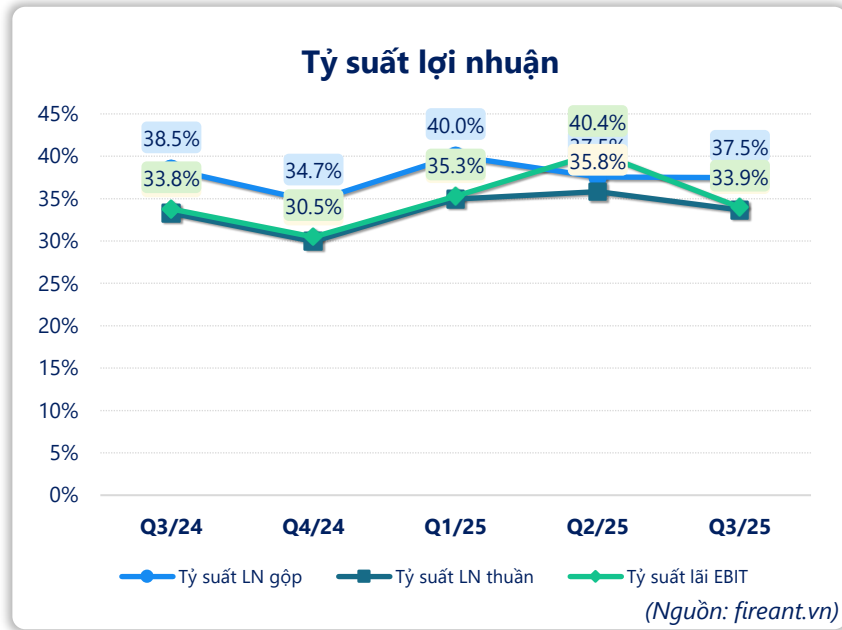
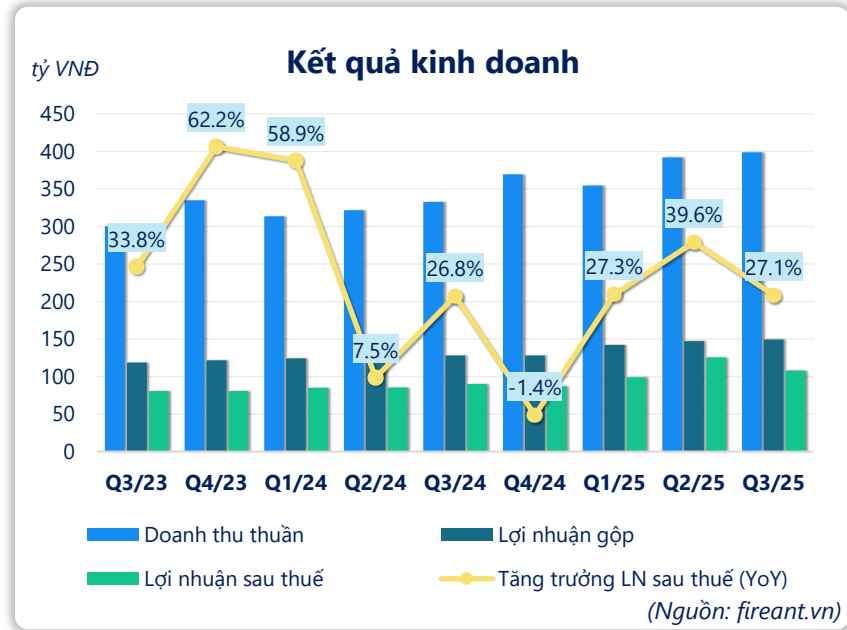


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		93,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		105,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		66,407
SL cổ phiếu LH		55,565,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,030
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,168
P/E		12.3
EPS		7,550

	YTD	1T	3T	6T
PDN	35.8%	-1.2%	-1.3%	6.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,776	1,549	14.7%
Tài sản ngắn hạn	1,071	843	27.0%
Tiền và tương đương tiền	234	278	-15.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	647	413	56.7%
Phải thu ngắn hạn	185	150	23.2%
Hàng tồn kho	1.65	1.74	-5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.85	0.43	801%
Tài sản dài hạn	705	706	-0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	337	356	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	253	234	8.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.0	71.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	43.3	44.3	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	395	309	27.7%
Nợ ngắn hạn	335	239	40.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.9	23.5	-32.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	143	91.1	56.6%
Nợ dài hạn	59.5	69.8	-14.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	34.9	45.2	-22.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,381	1,240	11.4%
Vốn chủ sở hữu	1,381	1,240	11.4%
Vốn điều lệ	556	370	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	333	369	354	392	399
Giá vốn hàng bán	205	241	213	245	249
Lợi nhuận gộp	128	128	142	147	149
Doanh thu HĐTC	2.39	10.2	2.73	14.3	5.89
Chi phí TC	1.57	1.86	1.09	1.72	1.08
Chi phí lãi vay	1.56	1.85	1.08	1.70	1.08
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.64	7.39	3.94	3.60	5.26
Chi phí QLDN	14.5	18.4	15.7	15.6	14.8
LN thuần từ HĐKD	111	111	124	140	134
Lợi nhuận khác	0.07	0.08	0.05	16.2	0.07
LN trước thuế	111	111	124	157	134
Lợi nhuận sau thuế	90.1	86.9	99.1	125	108
LNST của CĐ cty mẹ	90.1	86.9	99.1	125	108

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	148	60.2	83.1	184	117
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.24	-48.8	-109	-75.8	-58.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-83.7	-51.0	-2.26	-47.9	-134
Tiền đầu kỳ	256	317	278	250	310
Lưu chuyển tiền thuần	61.3	-39.6	-28.0	60.1	-76.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.17	0	0	0
Tiền cuối kỳ	317	278	250	310	234

(Nguồn: fireant.vn)